TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2025/HS - ST
Ngày 17/9/ 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Kim Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Hưởng

Bà Mai Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên toà: ông Lê Đức Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/TLST- HS ngày 26/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/9/1991. Tại huyện A, Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, phường P, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Nay là tổ 8 P, phường C, tỉnh Lào Cai); Nơi ở hiện tại: Tổ 10 phường X, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Nay là tổ 10 X, phường C, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có vợ: Nông Thị Thu H (đã ly hôn năm 2021), có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: 02 tiền án.Tại Bản án số 69/2019/HS - ST ngày 29/8/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 09/4/2020 bị cáo chấp hành xong. Tại Bản án số 139/2023/HS - ST ngày 07/11/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử 09(Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 27/5/2024 bị cáo chấp hành xong; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Năm 2008 bị cáo Nguyễn Đức L bị Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai L hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng số 2 - Bộ Công an về hành vi trộm cắp tài sản từ ngày 03/9/2008 đến ngày 01/4/2010 chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2025. Hiện

đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Bảo Thắng thuộc Trại giam Công an số 1, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1954; Nghề nghiệp: Tự do.

Địa chỉ: Tổ 7, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là tổ 7 B, phường C, tỉnh Lào Cai). Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 2003; Địa chỉ: Phường Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

Người làm chứng: Anh Phạm Văn D - Sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 7, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là tổ 7 B, phường C, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 ngày 09/05/2025 Nguyễn Đức L đi đến quán bán nước và tạp hóa của bà Nguyễn Thị T (sinh 1954) địa chỉ tại đường H Thế Thiện, tổ 7, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Nay là phường C, tỉnh Lào Cai) để mua nước uống. Khi vào quán Nguyễn Đức L ngồi uống nước ở trước cửa quán nhìn thấy trên mặt bàn uống nước trong nhà có để chiếc điện thoại Samsung A03s màu đen, có ốp màu xanh liền nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. Nguyễn Đức L lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần đang mặc và ra ngoài điều khiển xe máy đi về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 10, phường X, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Khi về đến nhà Nguyễn Đức L bỏ điện thoại vừa trộm cắp được ra thấy bên trong ốp chiếc điện thoại có 01 căn cước công dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị T và một tờ 200.000đồng do điện thoại không khóa màn hình, không cài mật khẩu, L mở lên xem thấy trên điện thoại có báo số dư tài khoản Ngân hàng Viettinbank 0356573587 đăng nhập thử mật khẩu là (Thiet1954) thì đăng nhập vào được số dư trên tài khoản là 27.000.000 đồng. Nguyễn Đức L chuyển khoản tiền đến số tài của người có nick facebook Mr Hảo tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 9349987532 mang tên Phạm Văn H (cùng ngày 09/5/2025 đã chuyển tiền vào hồi 20 giờ 21 phút chuyển khoản 9.900.000đồng và hồi 20 giờ 24 phút chuyển khoản tiếp 9.900.000đồng) để trả tiền sim có số đuôi 6666 đã mua trả góp trước đó của Phạm Văn H. Khoảng 21 giờ cùng ngày Nguyễn Đức L nói không mua chiếc sim trả góp có số đuôi 6666 của anh Phạm Văn H nữa, đề nghị thanh toán số tiền thuê sim từ ngày 06/05/2025 đến ngày 09/05/2025 và trả lại tiền thừa cho L. Anh Phạm Văn H đồng ý và chuyển lại vào số tài khoản Vietcombank 1022250251 cho L 24.600.000 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng) số tiền này L đã tiêu xài hết còn chiếc điện thoại L đã bán trên mạng facebook (không nhớ là bán cho ai, tài khoản nào) với giá 1.500.000

đồng và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị T đã vứt đi. Đến ngày 27/05/2025 Nguyễn Đức L đến Công an phường B để đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 68/ KL - HĐĐGTS ngày 05/6/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Lào Cai kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03s màu đen là 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) và 200.000đồng tiền mặt để trong ốp điện thoại và 19.800.000 đồng trong tài khoản Ngân hàng của bà Nguyễn Thị T. Tổng số tiền 21.200.000 đồng (Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 26/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ khoản điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 02(Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02(Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là "Phạt tiền" đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 - Bộ luật hình sự; Điều 589 - Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.400.000đồng (trong đó 1.200.000đồng là tiền giá trị chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A03s màu đen và 200.000đồng tiền mặt để trong ốp điện thoại).

Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức L nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức L khai nhận: Ngày 09/5/2025, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị T địa chỉ tổ 7 B, phường C, tỉnh Lào Cai 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03s màu đen có trị giá 1.200.000đồng và 200.000đồng tiền mặt để trong ốp điện thoại và 19.800.000 đồng trong tài khoản Ngân hàng của bà Nguyễn Thị T. Tổng số tiền 21.200.000 đồng (Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng). Mục đích để lấy tiền tiêu sài cho bản thân.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cở sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội: " Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 - Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Tại Bản án số 69/2019/HS - ST ngày 29/8/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 09/4/2020 bị cáo chấp hành xong. Tại Bản án số 139/2023/HS - ST ngày 07/11/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 27/5/2024 bị cáo chấp hành xong. Các bản án trên, tính đến ngày phạm tội 09/5/2025 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Do trước khi phạm tội, bị cáo đã bị kết án với tình tiết tăng nặng là tái phạm, tại thời điểm phạm tội chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Năm 2008 bị cáo Nguyễn Đức L bị Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai L hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng số 2 - Bộ Công an về hành vi trộm cắp tài sản từ ngày 03/9/2008 đến ngày 01/4/2010 chấp hành xong đã được xoá tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú. Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra đã xác định bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là "Phạt tiền" đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại là bà Nguyễn Thị T đã được anh Phạm Văn H tự nguyện chuyển trả số tiền 19.800.000đồng nên không có yêu cầu gì về số tiền bị cáo đã bị chiếm đoạt trong tài khoản Ngân hàng. Tại phiên toà bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức L phải hoàn trả số tiền trên, số tiền trên bà Nguyễn Thị T cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức L phải hoàn trả số tiền trên. Vì vậy hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc ốp điện thoại di động màu xanh, 01 thẻ sim điện thoại di động, 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị T bị cáo Nguyễn Đức L đã vứt đi sau khi trộm cắp được, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03s màu đen trị giá 1.200.000 đồng và số tiền 200.000 đồng (là tờ tiền để trong ốp điện thoại di động của bà Nguyễn Thị T). Tổng số tiền là 1.400.000đồng bà Nguyễn Thị T có yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức L phải bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của người bị hại là có căn cứ pháp luật. Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền trên.

Đối với số tiền 19.800.000đồng anh Phạm Văn H tự nguyện chuyển trả thay cho bị cáo Nguyễn Đức L cho bà Nguyễn Thị T. Anh Phạm Văn H cho bị cáo Nguyễn Đức L số tiền trên, anh Phạm Văn H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức L phải hoàn trả số tiền trên. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với anh Phạm Văn H, sinh ngày 11/10/2003; số căn cước công dân số 037203006918. ĐKHKTT: tổ Ghềnh, phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (Nay là phường Y, tỉnh Ninh Bình) là người bán sim số đẹp có đuôi 6666 cho bị cáo Nguyễn Đức L với giá tiền 50.000.000đồng bằng cách trả dần hàng tháng hoặc khi bị cáo L có tiền để trả, bị cáo Nguyễn Đức L đã chuyển trả trước cho anh Phạm Văn H số tiền 8.000.000đồng vào ngày 06/5/2025, anh Phạm Văn H không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức L. Ngày 09/5/2025 bị cáo Nguyễn Đức L không mua sim nữa nên anh Phạm Văn H đã thu hồi sim và chuyển trả lại số tiền 24.600.000đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng) cho bị cáo Nguyễn Đức L. Xét thấy anh Phạm Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức L nên không đề cập xử lý trong vụ án là đúng quy định.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Phạt bị cáo Nguyễn Đức L 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 27/05/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 - Bộ luật hình sự; Điều 589 - Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.400.000đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). (Trong đó 1.200.000đồng là tiền giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03s màu đen và 200.000đồng tiền mặt để trong ốp điện thoại di động).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3.Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo,bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND khu vực 6 - Lào Cai;
- Phân trại khu vực Bảo Thắng;
- T.H.AHS(2);
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh (PV06);
- Lưu HS- AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Kim Phượng